

# 新型コロナウイルス感染症積極的疫学調査文例（日本語、ベトナム語）ver.1

2020年11月16日

令和2年度 地域保健総合推進事業  
全国保健所長会グローバル研究班 作成

「グローバルヘルスの保健所機能強化への活用方法確立および開発途上国に対する日本の衛生行政経験の伝達可能性の模索」研究班

以下は、保健所が、新型コロナウイルス感染症に関する積極的疫学調査を、外国籍の対象者に実施する場合に、参考にできる例文集です。必要時、自由にご活用ください。なお、翻訳ツールなどを用いて英語以外の各種言語に変換する場合は、日本語文からではなく英語文から各種言語に変換するとより適切に翻訳される可能性が高いと思われます。ご注意ください。

また、適宜『保健行政窓口のための外国人対応の手引き』（[http://www.phcd.jp/02/t\\_gaikoku/](http://www.phcd.jp/02/t_gaikoku/)）をご参照ください。

## A) 自己紹介

### Tự giới thiệu bản thân

- はじめまして。わたしの名前は日本太郎です。  
Hân hạnh được gặp mặt lần đầu. Tên tôi là Nihon Taro.
- わたしは、〇〇保健所の保健師です。  
Tôi là Y Tá cộng đồng của Trung tâm bảo vệ sức khỏe〇〇.
- わたしは、〇〇保健所の公衆衛生医師です。  
Tôi là bác sỹ vệ sinh công cộng của Trung tâm bảo vệ sức khỏe〇〇.
- わたしは、〇〇保健所の行政官です。  
Tôi là chuyên viên hành chính của Trung tâm bảo vệ sức khỏe〇〇.

## B) 日本の保健所の説明

### Giải thích về Trung tâm bảo vệ sức khỏe của Nhật Bản

- 日本の保健所の役割は、あなたの国とは異なるかもしれませんが。  
Vai trò của Trung tâm bảo vệ sức khỏe của Nhật Bản có thể khác với của nước bạn.
- 日本の保健所は、地域の皆さんの健康を守る重要な役割を担っています。食品衛生や、精神保健、結核や感染症の対策など、公衆衛生業務を行っています。  
Trung tâm bảo vệ sức khỏe của Nhật Bản đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ sức khỏe của người dân địa phương. Thực hiện các công việc về vệ sinh công cộng như vệ sinh thực phẩm, sức khỏe tinh thần, bệnh lao và các biện pháp về bệnh truyền nhiễm..vv.

7. ただし、日本の保健所は、あなたへの直接治療や薬の処方などの医療サービスは提供しません。  
Tuy nhiên Trung tâm bảo vệ sức khỏe của Nhật Bản không trực tiếp cung cấp các dịch vụ y tế cho bạn như điều trị trực tiếp, cấp đơn thuốc..vv.
8. 保健師とは、保健所などの行政機関で働いている看護職です。私たちは、地域の皆さんが健康で生活できるために、必要な支援を行っています。  
Y Tá cộng đồng là điều dưỡng làm việc tại các cơ quan hành chính như Trung tâm bảo vệ sức khỏe ..vv. Chúng tôi thực hiện các hỗ trợ cần thiết để người dân địa phương có thể sinh hoạt khỏe mạnh.
9. 公衆衛生医師とは、保健所などの行政機関で働いている医師で、感染症対策に携わっています。感染症の疫学的状況を評価し、病気のさらなる拡散を防ぐための手段についてアドバイスを提供します。  
Bác sỹ vệ sinh công cộng là bác sỹ làm việc tại các cơ quan hành chính như Trung tâm bảo vệ sức khỏe, liên quan đến các biện pháp bệnh truyền nhiễm.

## C) 検査に関する説明

### Giải thích về xét nghiệm

10. (症状から・接触歴あり・行動歴あり・濃厚接触者である)ことより、あなたは COVID-19 の検査を受ける必要があります  
Vì (có triệu chứng, có tiền sử tiếp xúc, có tiền sử hành động, là người tiếp xúc mật thiết) nên bạn cần phải xét nghiệm COVID-19.
11. 検査は(喀痰採取・唾液採取・鼻咽頭スワブ採取・鼻腔自己採取・その他 )により実施します。  
Xét nghiệm được thực hiện qua việc (lấy đờm, lấy nước bọt, tăm bông lấy mẫu tại mũi họng, tự lấy mẫu tại khoang mũi, khác )
12. 検査結果は( )時間/日ほどで出ます。結果が出るまでは、自宅などで待機して、なるべく人に合わないように気をつけてください。  
Kết quả xét nghiệm thì sẽ có sau khoảng ( ) tiếng/ ngày. Cho tới khi có kết quả hãy đợi ở nhà, hãy chú ý trong phạm vi có thể để không gặp gỡ người khác.
13. 検査結果が出るまで、病院で待機してもらいます。  
Cho tới khi có kết quả xét nghiệm, xin mời đợi ở bệnh viện.
14. 陽性であれば入院となります。  
Nếu dương tính thì sẽ nhập viện.

15. 陰性であっても、2週間ほどは健康状態に気をつけてください。体調不良となる場合は、保健所まで連絡ください。

Mặc dù âm tính thì cũng hãy lưu ý đến tình trạng sức khỏe trong vòng 2 tuần. Trường hợp thể trạng không tốt hãy liên lạc cho Trung tâm bảo vệ sức khỏe.

#### D) 積極的疫学調査に関する説明

Giải thích về điều tra miễn dịch tích cực

16. いわゆる「積極的疫学調査」とは、主に感染症が発生した地域の担当保健所が実施する調査です。この調査は、日本の感染症予防法に基づいて行われます。地域での感染拡大を防ぐために、アウトブレイクの全体的な状況、感染の推定原因、疾患の経過などを調べます。

Cái gọi là “Điều tra miễn dịch tích cực” là điều tra do Trung tâm bảo vệ sức khỏe phụ trách chủ yếu tại các địa phương phát sinh bệnh truyền nhiễm. Điều tra này được thực hiện dựa trên Luật phòng ngừa lây nhiễm của Nhật Bản. Để phòng chống lây lan truyền nhiễm ở địa phương, điều tra tình hình tổng thể một cách tổng quát, điều tra nguyên nhân suy đoán của việc lây nhiễm, điều tra quá trình của bệnh..vv.

17. あなたの個人情報、日本の個人情報保護法に基づいて厳重に管理され、あなたのプライバシーは確実に保護されますので安心してください。

Thông tin cá nhân của bạn được quản lý chặt chẽ dựa vào Luật bảo vệ thông tin cá nhân của Nhật Bản, sự riêng tư của bạn được bảo vệ một cách chắc chắn nên xin hãy yên tâm.

18. 皆様から得た貴重な情報に基づいて、新型コロナウイルス感染症の潜伏期間、感染経路、および感染源の推定などを行います。この調査結果は、新型コロナウイルス感染症に対するより良い対策に大きく貢献します。あなたのご協力に心より感謝いたします。

Dựa vào các thông tin quý giá đã nhận được từ các quý vị, chúng tôi thực hiện các suy đoán về thời gian ủ bệnh của bệnh truyền nhiễm Virut Corona chủng mới, đường lây nhiễm, và nguồn truyền nhiễm..vv. Kết quả điều tra đóng góp nhiều cho những chính sách tốt đối với bệnh truyền nhiễm Virrut Corona chủng mới.

## E) 新型コロナウイルス感染症の積極的疫学調査(最初の説明)

Điều tra miễn dịch tích cực của bệnh truyền nhiễm Virut Corona chủng mới (Giải thích đầu tiên)

疑似症患者で「蓋然性が高い」場合

Trường hợp bệnh nhân triệu chứng tương tự “Tính xác suất cao”

19. あなたは、渡航歴、接触歴、症状などから新型コロナウイルス感染症が強く疑われています。現在あなたの検体中にウイルスがいるかどうかを確かめる検査が実施されています。結果はまだ出ていませんが、念のため、あなたの最近の様子などをお聞かせください。

Từ lý lịch đi nước ngoài, tiền sử tiếp xúc, triệu chứng...vv, bạn bị nghi ngờ mạnh mẽ là nhiễm Virut Corona chủng mới. Hiện nay đang kiểm tra xem trong mẫu xét nghiệm của bạn có Virut hay không. Kết quả thì chưa có, để phòng ngừa, hãy cho chúng tôi nghe về tình trạng gần đây của bạn.

患者確定例で有症状の場合

Trường hợp bệnh nhân đã được xác thực là đang bị lây nhiễm và có triệu chứng.

20. あなたは、発熱や呼吸症状があり、あなたから採取した検体の検査で新型コロナウイルスが検出されました。あなたは新型コロナウイルス感染症の確定患者と診断されています。この病気に関しては、まだ分からないことが多く、あなたがどのように感染したのかを考える必要があります。また、あなたから他の人にうつしていないかを追跡することも重要です。この調査にご協力ください。

Anh/chị có sốt và có triệu chứng, từ xét nghiệm của mẫu lấy từ anh/chị đã phát hiện ra Virut Corona chủng mới. Anh/chị đã bị chuẩn đoán là bệnh nhân đã được xác thực là đang nhiễm Virut Corona chủng mới. Về cái bệnh này có nhiều điều còn chưa biết, cần phải suy nghĩ về việc anh/chị đã bị nhiễm như thế nào. Và, việc theo dõi xem từ anh/chị có bị lây cho người khác hay không là điều rất quan trọng. Hãy hợp tác cho cuộc điều tra này nhé.

患者確定例、無症状病原体保有者の場合

Trường hợp bệnh nhân đã được xác thực là đang bị lây nhiễm, là người mang mầm bệnh nhưng không có triệu chứng.

21. あなたは、血液中に新型コロナウイルスが検出されましたが、まだ何の症状も認めません。あなたは新型コロナウイルス感染の確定症例と診断されると同時に、「無症候性新規新型コロナウイルス感染症例」と診断されます。無症候例がこの病気を他の人に感染させるかどうかはまだ明らかではありません。また、あなたがどのように感染したのかもわたしたちは検討する必要があります。この調査にご協力ください。

Anh/chị đã bị phát hiện ra là có Virut Corona chủng mới trong máu, nhưng cho thấy không có triệu chứng gì. Anh/ chị đã bị chuẩn đoán là bệnh nhân đã được xác thực là đang nhiễm Virut Corona chủng mới và đồng thời được chuẩn đoán là “Bệnh nhân không triệu chứng mới được phát hiện là nhiễm Virut Corona chủng mới”. Bệnh nhân không triệu chứng có thể

lây bệnh này cho người khác hay không thì vẫn chưa rõ. Và, anh/chị đã bị lây nhiễm như thế nào thì chúng tôi cần phải suy xét. Hãy hợp tác cho cuộc điều tra này nhé.

#### 濃厚接触者

Người tiếp xúc gần

22. あなたは、新型コロナウイルス感染症と診断された方と、濃厚に接触したと私たちは考えます。  
Chúng tôi cho rằng anh/chị đã tiếp xúc gần gũi với người đã được chẩn đoán là nhiễm Virut Corona chủng mới.
  
23. あなたは、新型コロナウイルス感染症が疑われる方と、濃厚に接触したと私たちは考えます。  
Chúng tôi cho rằng anh/chị đã tiếp xúc gần gũi với người đã bị nghi ngờ là nhiễm Virut Corona chủng mới.
  
24. 最後に濃厚接触をした日から 14 日間は、あなたの健康状態に注意をしてください。もしあなたに発熱や呼吸器症状が現れた場合には、あなたが医療機関を受診する前に、必ず「帰国者・接触者相談センター」に電話連絡を入れてください。多言語対応の電話番号は XX です。  
Trong vòng 14 ngày từ ngày cuối cùng tiếp xúc gần gũi, hãy chú ý đến tình trạng sức khỏe của bạn nhé. Trường hợp anh/chị bị sốt hoặc có triệu chứng của cơ quan hô hấp, trước khi anh/chị đi khám ở cơ quan y tế, nhất định hãy liên lạc điện thoại cho “Trung tâm tư vấn người về nước, người tiếp xúc gần”. Số điện thoại đối thoại đa ngôn ngữ là XX.

#### F) 新型コロナウイルス感染症の積極的疫学調査(具体的な調査項目)

Điều tra miễn dịch tích cực về bệnh truyền nhiễm Virut Corona chủng mới

25. これからあなたにいくつか質問をします。質問は、1)あなたに関する情報と2)あなたの行動に関する情報の二つの種類に分かれます。もしわからないことがあれば、いつでも尋ねてください。  
Sau đây tôi sẽ hỏi anh/ chị một số câu hỏi. Câu hỏi chia thành hai loại 1) là các thông tin về anh/chị 2) là các thông tin về hành động của anh/chị. Nếu có gì không hiểu hãy cứ hỏi chúng tôi bất cứ lúc nào.
  
26. すでに他の医療従事者があなたに尋ねた質問と似た質問をわたしたちが尋ねるかもしれませんが、どうぞご容赦ください。  
Có thể chúng tôi sẽ hỏi anh/chị những câu mà nhân viên cơ quan y tế đã hỏi, nhưng hãy thông cảm nhé.

1) あなたに関する情報

Thông tin liên quan tới anh/chị

年齢

Tuổi

27. あなたの年齢をお聞きできますか？

Tôi có thể hỏi tuổi của anh/chị được không?

居住地

Nơi sống

28. あなたの住所をお聞きできますか？

Tôi có thể hỏi địa chỉ của anh/chị được không?

症状・経過

Triệu chứng, quá trình

29. あなたは、どんな症状がありますか？

Anh/chị có những triệu chứng gì?

30. あなたの熱が出たのはいつからですか？

Anh/chị có sốt từ bao giờ?

31. あなたの咳が出たのはいつからですか？

Anh/chị ho từ bao giờ?

32. あなたの息苦しさが出たのはいつからですか？

Anh/chị thấy khó thở từ bao giờ?

33. あなたのその症状は、どのくらいの間、続いていますか？

Triệu chứng ấy của anh/chị kéo dài trong bao lâu?

2) あなたの行動に関する情報

Thông tin về hành động của anh/chị

渡航歴・滞在歴

Lý lịch đi ra nước ngoài, tiền sử ở nước ngoài

34. あなたは、過去 2 週間以内に COVID-19 の流行地域に行きましたか？

Trong vòng 2 tuần qua anh/chị đã đi đến địa phương lưu hành COVID-19 chưa?

35. (行っていた場合)それはどこですか？  
(Trường hợp đã đi) Địa phương đó là chỗ nào?

36. あなたはいつ流行地域に滞在しましたか？  
Anh/chị đã ở địa phương lây nhiễm bao giờ?

#### 接触歴

Tiền sử tiếp xúc

37. あなたは、過去 2 週間以内に COVID-19 の患者または感染が疑われる人と接する機会がありましたか？  
Trong vòng 2 tuần qua, anh/chị có cơ hội tiếp xúc với bệnh nhân COVID-19 hoặc người bị nghi ngờ lây nhiễm không?

#### 参考資料

- 新型コロナウイルス感染症患者に対する積極的疫学調査実施要領(暫定版)  
<https://www.niid.go.jp/niid/images/epi/corona/2019nCoV-02-200206.pdf>
- 阿彦忠之ほか、アウトブレイクの健康危機管理、医学書院P150-153
- 全国保健所長会グローバル研究班、保健行政窓口のための外国人対応の手引き、第2版(未定稿)